TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 263/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1979

HKTT: Số nhà A, đường N, tổ 3, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Thân Thị H, sinh năm 1983

HKTT: Số nhà A, đường N, tổ 3, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn T và chị Thân Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Các đương sự thỏa thuận chị Thân Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Minh P, sinh ngày 12/3/2007 và Đỗ Trọng M, sinh ngày 13/7/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự thỏa thuận hàng tháng anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H mỗi con chung là 2.500.000đồng (Hai

triệu lăm trăm nghìn đồng)/01 con chung/tháng thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung từ ngày 01/08/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001424 ngày 13/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và đến hạn thực hiện việc cấp dưỡng như hai bên thỏa thuận, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- UBND phường N,TP B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Tú